

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HTB
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2023/DS-ST

Ngày: 28/02/2023

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HTB,
TỈNH BÌNH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ung Thanh Q

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đặng Văn M

2. Nguyễn Thành H

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị H – Thư ký Tòa án nhân dân huyện HTB, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện HTB, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị S – Kiểm sát Viên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện HTB, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 76/2021/TLST-DS ngày 13/5/2021 về Vệc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định tạm đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số 32/2021/QĐST-DS ngày 13/9/2021; Quyết định tiếp tục giải quyết vụ án dân sự số 30/2022/QĐST-DS ngày 25/10/2022; Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 52/2022/QĐXXST-DS ngày 30/12/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2023/QĐST-DS ngày 30/01/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Võ Thị Tường V, sinh năm 1981 (có mặt)

Địa chỉ: Khu phố 4, phường ĐN, thành phố PT, tỉnh Bình Thuận.

Bị đơn:

1/Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1965 (vắng mặt)

2/Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1967 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Thôn 6, xã HC, huyện HTB, tỉnh Bình Thuận.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Dương Thúc H, sinh năm 1974, địa chỉ: Số 64 NH, phường ĐN, thành phố PT, tỉnh Bình Thuận.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Dương Thúc H: Bà Võ Thị Tường V, sinh năm 1981, địa chỉ: Khu phố 4, phường ĐN, thành phố PT, tỉnh Bình Thuận (theo hợp đồng ủy quyền ngày 20/5/2021).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 05/5/2021 cũng như các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Võ Thị Tường V và bà V là đại diện ủy quyền của ông

Dương Thúc H trình bày: Thông qua người giới thiệu, bà biết vợ chồng bà Nguyễn Thị S, ông Nguyễn Văn H cần tiền để đáo hạn Ngân hàng. Ngày 20/01/2020 vợ chồng bà Nguyễn Thị S, ông Nguyễn Văn H hỏi vay mượn số tiền 2.500.000.000 đồng (hai tỷ năm trăm triệu đồng) thì vợ chồng bà đồng ý cho mượn. Vợ chồng bà S, ông H hẹn 01 tháng trả. Hai bên không thỏa thuận lãi suất. Sau khi đáo hạn Ngân hàng thì cùng ngày 20/01/2020, bà S, ông H trả cho vợ chồng bà số tiền 1.300.000.000 đồng (một tỷ ba trăm triệu đồng), số tiền còn lại 1.200.000.000 đồng bà S, ông H chưa trả và hẹn 01 tháng Stiếp tục trả số tiền này nhưng không trả mà lẩn tránh. Nay vợ chồng bà yêu cầu vợ chồng bà Nguyễn Thị S, ông Nguyễn Văn H trả cho vợ chồng bà (Võ Thị Tường V, Dương Thúc H) số tiền gốc 1.200.000.000 đồng (Một tỷ hai trăm triệu đồng) và lãi suất theo quy định pháp luật 10%/năm kể từ ngày 21/02/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm 28/02/2023 là 362.301.000 đồng (ba trăm Smươi hai triệu ba trăm lẻ một ngàn đồng).

Bị đơn bà Nguyễn Thị S và ông Nguyễn Văn H vắng mặt không trình bày gì.

Tại phiên tòa Kiểm sát Ven phát biểu ý kiến về Vệc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Ý kiến về Vệc giải quyết vụ án đề nghị: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Tường V, buộc vợ chồng ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị S phải trả cho vợ chồng ông Dương Thúc H và bà Võ Thị Tường V tiền gốc là 1.200.000.000đ và lãi 10%/năm thành tiền là 362.301.000đồng từ ngày 21/02/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm 28/02/2023.

Trong thời hạn chuẩn bị xét xử vụ án, Tòa án đã nhiều lần tổ chức phiên hòa giải để các bên đương sự tự thỏa thuận với nhau về Vệc giải quyết vụ án, nhưng các đương sự không tự thỏa thuận được với nhau. Các đương sự đề nghị Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định: Sự vắng mặt của vợ chồng ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị S không thuộc trường hợp pH hoãn phiên tòa, ông H và bà S đã được Tòa án giao các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật nhưng ông bà vẫn cố tình vắng mặt, chứng tỏ ông bà đã từ bỏ quyền tham gia tố tụng, không thực hiện nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và điểm b khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với vợ chồng ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị S.

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Tại quyết định đưa vụ án ra xét xử số 52/2022/QĐXXST-DS ngày 30/12/2022 đã ghi quan hệ pháp luật tranh

chấp là “Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản” qua thẩm tra tài liệu chứng cứ và các đương sự xác định yêu cầu của mình tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử thấy rằng đây là “Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản” được quy định tại Khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn có hộ khẩu thường trú tại xã HC, huyện HTB nên theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì Tòa án nhân dân huyện HTB có thẩm quyền giải quyết.

[2] Về yêu cầu của các đương sự, Hội đồng xét xử phân tích như sau: Căn cứ giấy mượn tiền do hai bên thỏa thuận lập vào ngày 20/01/2020 thì bà Võ Thị Tường V có cho vợ chồng ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị Svay 2.500.000.000đ (hai tỷ năm trăm triệu đồng), thời hạn trả nợ sau 01 tháng, không ghi lãi suất thì đây là hợp đồng vay tiền có kỳ hạn và không có lãi, vì vậy có đủ cơ sở xác định hợp đồng vay tiền giữa các bên đã phát sinh hiệu lực pháp luật nhưng ông H và bà S đã trả được 1.300.000.000đ còn lại 1.200.000.000đ không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ của mình. Do đó, nguyên đơn yêu cầu bị đơn pH trả số tiền gốc đã vay 1.200.000.000đ và tiền lãi 10%/năm thành tiền là 362.301.000đ từ ngày 21/02/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm 28/02/2023, tổng cộng 1.562.301.000đ là hoàn toàn có căn cứ và phù hợp với quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Đối với ông Dương Thúc H là chồng của bà Võ Thị Tường V, trong thời gian sống chung vợ chồng bà V lấy tiền của vợ chồng cho ông H và bà Svay nên đây là tiền chung vợ chồng ông Dương Thúc H và bà Võ Thị Tường V. Đối với ông Nguyễn Văn H là chồng của bà Nguyễn Thị S, Hội đồng xét xử thấy rằng: Trong thời gian sống chung vợ chồng, ông Nguyễn Văn H không ký giấy vay mượn tiền của bà Võ Thị Tường V, nhưng ông Nguyễn Văn H là chồng của bà S, bà Svay tiền trong thời kỳ hôn nhân để trả tiền đáo hạn ngân hàng cho gia đình, khi bà V đến đòi nợ thì ông H đồng ý trả nợ cho bà V, bà Svay tiền dùng mua bán thanh long bán lại lấy tiền lời phục vụ cho đời sống hàng ngày là đáp ứng nhu cầu thiết yếu cho gia đình nên có cơ sở xác định đây là khoản nợ chung của vợ chồng. Do đó, buộc vợ chồng ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị SpH chịu trách nhiệm trả nợ cho vợ chồng ông Dương Thúc H và bà Võ Thị Tường V.

[4] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy rằng đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện HTB tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay là thỏa đáng phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[5] Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Do yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Tường V được Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ nên bà V không pH chịu

án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho bà Võ Thị Tường V số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 24.000.000đ (hai mươi bốn triệu đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001975 ngày 13/5/2021. Do vợ chồng ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị Sbuộc pH trả tiền nợ là 1.562.516.000đ cho vợ chồng ông H bà V vì vậy vợ chồng ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị SpH chịu án phí theo quy định của pháp luật là **58.869.000đ** (năm mươi tám triệu tám trăm Smươi chín ngàn đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1.Áp dụng: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 273, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và điểm b khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 463, Điều 466, khoản 2 Điều 468 và Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27, Điều 30 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

2.Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Tường V, buộc vợ chồng ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị SpH trả cho vợ chồng ông Dương Thúc H và bà Võ Thị Tường V tiền gốc là 1.200.000.000đ và tiền lãi là 362.301.000đ, tổng cộng gốc và lãi là **1.562.301.000đ** (một tỷ năm trăm Smươi hai triệu, ba trăm lẻ một ngàn đồng).

“Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền pH trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên pH thi hành án còn pH chịu khoản tiền lãi của số tiền còn pH thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác”.

3.Về án phí, lệ phí: Áp dụng: Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

Vợ chồng ông Dương Thúc H và bà Võ Thị Tường V không pH chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho bà Võ Thị Tường V số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 24.000.000đ (hai mươi bốn triệu đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001975 ngày 13/5/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện HTB. Vợ chồng ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị SpH chịu án phí dân sự sơ thẩm là 58.869.000đ (năm mươi tám triệu tám trăm Smươi chín ngàn đồng).

4.Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn bà Võ Thị Tường V có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 28/02/2023). Đối với bị đơn vợ chồng ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị Svắng mặt tại phiên tòa thì có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết tại địa phương.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pH thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND huyện HTB;
- Chi cục THADS huyện HTB;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
ĐÃ KÝ**

Ung Thanh Q